

Bản án số: 03 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7- 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Thúy

Ông Đinh Thanh Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1986

HKTT: Xóm Đ, Xã BT, Huyện X, Tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoài N, sinh năm 1982

HKTT: Xóm C, xã PT, thành phố Y, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Ả Rập Xê Út.

( Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N kết hôn ngày 08/6/2010 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, thành phố Y, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng tại xóm C, xã PT, thành phố Y, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2014, anh N đi lao động xuất khẩu ở Ả rập xê út để kiếm thêm thu nhập. Từ đó đến nay, anh

N không liên lạc, không quan tâm gì đến gia đình và cũng không gửi tiền về nuôi con. Hiện nay, anh N vẫn đang làm việc ở nước ngoài nhưng chị T không biết địa chỉ cụ thể nên chị không thể cung cấp cho Tòa án. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê B.C, sinh ngày 25/3/2015, hiện đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

Tại biên bản làm việc vào các ngày 08/5/2020 và ngày 25/6/2020 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của anh N, xác định sau khi nhận các văn bản của Tòa án, bà có thông tin cho anh N biết thì anh N có trao đổi lại các nội dung sau:

Về quan hệ hôn nhân, anh xác định hai vợ chồng tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9 năm 2018, do chị T xúc phạm mẹ chồng và bà dì của anh. Anh đã cố gắng khuyên bảo nhưng chị không nghe, sau đó chị còn đem theo con bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Anh N xác định anh và chị T hiện nay không còn liên lạc và quan tâm đến nhau nữa, nay chị có nguyện vọng ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Lê B.C, sinh ngày 25/3/2015 như chị T khai là đúng, anh đồng ý để chị T nuôi con do anh vẫn đang làm việc ở nước ngoài. Anh N cũng trình bày thêm, trong tương lai nếu chị T kết hôn với người khác thì khi anh về nước, anh có nguyện vọng được đón cháu C về chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng, chị T yêu cầu 3.000.000 đồng/tháng anh N không đồng ý, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không đề nghị giải quyết.

Hiện anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại Công văn số 2950/PA01(XNC) ngày 08/4/2020 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định anh Nguyễn Hoài N đã xuất, nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất anh N xuất cảnh ngày 02/02/2016, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị Th chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh N ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân trong nước của anh N là bà Nguyễn Thị H, có đủ căn cứ xác định anh N vẫn thường xuyên liên lạc với bà nhưng bà không cung cấp được địa chỉ của anh N ở nước ngoài. Anh N cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bà Nguyễn Thị H cũng vẫn không cung cấp được địa chỉ của anh N ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2] Về nội dung:** Việc kết hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Hoài N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, thành phố Y, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T khai: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình chồng tại xóm C, xã PT, thành phố Y, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Năm 2014, anh N đi lao động xuất khẩu ở Ả rập xê út. Từ đó đến nay, anh N vẫn chưa về và không liên lạc gì với chị. Anh cũng không còn quan tâm đến gia đình, vợ con và cũng không gửi tiền về nuôi con chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Phía bị đơn anh N mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước, anh cũng xác định chị T và anh đã không còn giữ liên lạc, không còn quan tâm, yêu thương nhau, về việc chị T xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh N và chị T đã không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê B.C sinh ngày 25/3/2015, hiện đang ở cùng chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Thông qua đại diện thân nhân là bà Nguyễn Thị H ý kiến của anh N nhất trí để chị T trực tiếp nuôi con. Do cháu C còn nhỏ và hiện cháu đang ở cùng mẹ nên giao con chung là cháu Nguyễn Lê B.C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng, trong bản tự khai chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/ tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T thay đổi yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000đ/tháng. Xét thấy yêu cầu anh N cấp

dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ tháng của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định không có, phía anh N không có lời khai bằng văn bản nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[3] Án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh N phải chịu án phí về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh N; Con chung: Giao cháu Nguyễn Lê B.C sinh ngày 25/3/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị T có đề nghị về việc cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 53, Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thao được ly hôn với anh Nguyễn Hoài N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê B.C sinh ngày 25/3/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Lê B.C, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2015 cho chị Lê Thị T số tiền 2.000.000đ/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002935 ngày 04/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Anh N phải chịu 300.000đ án phí về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung sung quỹ Nhà nước.

Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh N được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã PT,TPY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hồng Phương**

